

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vinatex Phú Hưng;
Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vinatex Phú Hưng;
Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty CP Vinatex Phú Hưng;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty CP Vinatex Phú Hưng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KPMG;

Ban kiểm soát Công ty CP Vinatex Phú Hưng đã tiến hành kiểm tra, soát xét tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành về việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định tại Điều lệ Công ty trong quá trình quản trị và điều hành Công ty trong năm 2025. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025 như sau:

Thành viên Ban Kiểm soát gồm có:

- Ông Huỳnh Anh Thuận: Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Phạm Thị Vân Hà: Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Bùi Thị Dung: Thành viên Ban Kiểm soát

Nội dung của báo cáo bao gồm:

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025.
- Đánh giá tình hình tài chính của Công ty năm 2025.
- Đánh giá công tác đầu tư theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025.
- Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty.
- Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát.
- Kiến nghị của Ban kiểm soát.

I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty cổ phần Vinatex Phú Hưng năm 2025:

Một số chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2025

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2024 | Năm 2025 | | % so sánh | |
|----------|-------------------|----------|-----------|-----------|----|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | Cùng kỳ | KH |

| | | | | | |
|--|---------|---------|---------|---------|---------|
| Giá trị sản xuất công nghiệp (triệu đồng) | 653.242 | 707.740 | 663.792 | 101,61% | 93,79% |
| Sản lượng sản xuất theo Ne 30 (tấn) | 10.138 | 10.145 | 10.221 | 100,82% | 100,75% |
| Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ (triệu đồng) | 811.091 | 806.280 | 832.660 | 102,66% | 103,27% |
| Kim ngạch xuất khẩu (1.000 USD) | 28.574 | 29.773 | 26.347 | 92,20% | 88,49% |
| Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) | 9.867 | 10.500 | 11.093 | 112,43% | 105,65% |
| Cổ tức (%/VĐL) dự kiến | - | - | - | - | - |

Nhận xét:

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Vinatex Phú Hưng tiếp tục duy trì đà phục hồi tích cực, với lợi nhuận trước thuế đạt 11,093 tỷ đồng, tăng 12,43% so với cùng kỳ và vượt 5,65% kế hoạch. Công ty đã phát huy hiệu quả các giải pháp quản trị sản xuất, mở rộng thị trường nội địa và xuất khẩu tại chỗ, đồng thời ổn định chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu giảm 7,80% so với cùng kỳ do ảnh hưởng từ chính sách thuế quan của Mỹ và biến động thị trường toàn cầu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 832,660 tỷ đồng, tăng 2,66% so với cùng kỳ và đạt 103,27% kế hoạch. Trong đó, doanh thu bán thành phẩm sợi (hoạt động cốt lõi) đạt 733,754 tỷ đồng, tăng 3,43% so với cùng kỳ (709,412 tỷ), cao hơn mức tăng tổng doanh thu (1,30%), cho thấy cơ cấu doanh thu đang dịch chuyển đúng hướng sang hoạt động sản xuất cốt lõi. Cơ cấu thị trường có sự chuyển dịch đáng kể: tỷ trọng xuất khẩu giảm từ 93% năm 2024 xuống 86% năm 2025, thị trường nội địa tăng mạnh từ 1% lên 8%. Thị trường Philippines tăng từ 24% lên 32%, Hàn Quốc tăng từ 14% lên 23%, trong khi Trung Quốc giảm từ 47% xuống 38% nhưng vẫn giữ vị thế dẫn đầu.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 11,093 tỷ đồng, tăng 12,43% so với cùng kỳ (9,867 tỷ đồng) và vượt 5,65% kế hoạch. Sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi: (i) chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất giảm 2,46% (từ 612,42 tỷ xuống 597,36 tỷ đồng) nhờ giá bông và xơ trên thị trường thế giới giảm; (ii) chi phí tài chính giảm mạnh 17,96% (từ 34,02 tỷ xuống 27,91 tỷ đồng), chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện giảm 73,7% và chưa thực hiện giảm 52,3% so với cùng kỳ nhờ tỷ giá USD/VND ổn định hơn năm 2024; (iii) sản lượng sản xuất tăng 0,82% so với cùng kỳ.
- Kim ngạch xuất khẩu đạt 26.347 nghìn USD, chỉ bằng 92,20% so với cùng kỳ và 88,49% kế hoạch. Nguyên nhân do giá bán thị trường sợi toàn cầu giảm, tỷ lệ bán sợi nội địa tăng (từ 1% lên 8%), và ảnh hưởng gián tiếp từ chính sách thuế quan của Mỹ đối với hàng dệt may.
- Thu nhập bình quân của người lao động đạt gần 12,790 triệu đồng; tăng 9,2% so với cùng kỳ.

II. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty năm 2025:

1. Một số chỉ tiêu tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | TÀI SẢN | 2024 | 2025 | So sánh |
|----|---------|------|------|---------|
|----|---------|------|------|---------|

| | | | | |
|-------------------------------------|------------------|----------------|----------------|----------------|
| Tài sản ngắn hạn | 383.257 | 427.500 | 111,54% | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.018 | 10.830 | 358,73% | |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 24.677 | 25.411 | 102,97% | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 40.228 | 51.328 | 127,60% | |
| Hàng tồn kho | 273.072 | 287.404 | 105,25% | |
| Tài sản ngắn hạn khác | 42.261 | 52.527 | 124,30% | |
| 2 Tài sản dài hạn | 236.402 | 222.246 | 94,01% | |
| Các khoản phải thu dài hạn | - | - | | |
| Tài sản cố định | 229.154 | 210.162 | 91,71% | |
| Bất động sản đầu tư | - | - | | |
| Tài sản dở dang dài hạn | 0 | 0 | - | |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | - | - | |
| Tài sản dài hạn khác | 7.247 | 12.084 | 166,72% | |
| TỔNG TÀI SẢN | 619.659 | 649.746 | 104,86% | |
| TT | NGUỒN VỐN | 2024 | 2025 | So sánh |
| 1 Nợ phải trả | | 525.534 | 546.072 | 103,91% |
| Nợ ngắn hạn | | 400.871 | 440.909 | 109,99% |
| Nợ dài hạn | | 124.662 | 105.162 | 84,36% |
| 2 Vốn chủ sở hữu | | 94.125 | 103.674 | 110,14% |
| Vốn chủ sở hữu | | 94.125 | 103.674 | 110,14% |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | | - | - | |
| TỔNG NGUỒN VỐN | | 619.659 | 649.746 | 104,86% |

Nhận xét một số vấn đề trọng yếu:

- Về tài sản ngắn hạn:

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh từ 3.018 triệu đồng lên 10.830 triệu đồng (2025), tương ứng tăng 258,73%, cho thấy Công ty cải thiện đáng kể thanh khoản tiền mặt. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh dương 11,385 tỷ đồng (năm 2024 âm 17,643 tỷ đồng), phản ánh dòng tiền từ hoạt động kinh doanh cốt lõi đã thực sự chuyển biến tích cực. Đây là cải thiện quan trọng nhất về tài chính trong năm 2025.
- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 27,60% từ 40.228 triệu đồng lên 51.328 triệu đồng, chủ yếu do phải thu khách hàng tăng 28,94% (từ 35.246 lên 45.447 triệu đồng). Toàn bộ khoản phải thu khách hàng đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay. Điều này cần được lưu ý trong quản lý công nợ để đảm bảo thu hồi kịp thời.
- Hàng tồn kho tăng 5,25% từ 273.072 triệu đồng lên 287.404 triệu đồng, mức tăng chủ yếu do nguyên vật liệu tăng 9,95% (từ 174,63 tỷ lên 192,01 tỷ đồng), đây là chiến lược mua nguyên liệu (bông) khi giá bông thế giới ở mức thấp. Mặt tích cực: chi phí SXKD dở dang giảm 16,61%, thành phẩm giảm 2,64% và hàng gửi đi bán giảm 5,02%, cho thấy tiêu thụ cuối năm 2025 tốt hơn so với năm 2024.
- Tài sản ngắn hạn khác tăng 24,30% (từ 42.262 lên 52.527 triệu đồng), chủ yếu do thuế GTGT được khấu trừ tăng mạnh từ 39,89 tỷ lên 50,17 tỷ đồng

(tăng 25,78%). Số dư thuế GTGT lớn và tăng nhanh tiềm ẩn rủi ro về dòng tiền bị "đóng" trong khoản thuế chờ hoàn, đồng thời có thể phát sinh rủi ro về thuế nếu hồ sơ hoàn thuế bị chậm trễ. Công ty cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thuế GTGT trong năm 2026 để giải phóng dòng tiền và đảm bảo thanh khoản..

- Về Tài sản dài hạn:

- Năm 2025 Công ty ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ 5,252 tỷ đồng, trong đó máy móc thiết bị tăng 3,903 tỷ đồng và tài sản cố định khác tăng 1,350 tỷ đồng. Ngoài ra, có 100,8 triệu đồng chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang máy móc thiết bị.
- Giá trị còn lại TSCĐ năm 2025 giảm 8,29% so với cùng kỳ (từ 229.154 triệu đồng xuống 210.162 triệu đồng), chủ yếu do Công ty trích khấu hao trong năm 2025 là 24,346 tỷ đồng.
- Tài sản dài hạn khác tăng 66,72% (từ 7.247 lên 12.084 triệu đồng), chủ yếu do chi phí trả trước dài hạn (công cụ dụng cụ) tăng mạnh: phát sinh mới 11,163 tỷ đồng, phân bổ trong năm 6,326 tỷ đồng

- Về Nợ phải trả:

- Dư nợ vay ngắn hạn tăng 6,16% so với cùng kỳ (từ 364.830 triệu đồng lên 387.318 triệu đồng), trong đó có 18,98 tỷ đồng vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang nợ ngắn hạn. Lãi suất vay ngắn hạn USD dao động 3,3%-4,2%/năm, VND ngắn hạn 4,0%-7,0%/năm. Đáng lưu ý, dư nợ tập trung chủ yếu tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế (181,33 tỷ đồng, chiếm gần 50% tổng vay ngắn hạn), tiềm ẩn rủi ro tập trung nếu ngân hàng thắt chặt hạn mức tín dụng. Ngoài ra, Công ty có khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện trên các khoản vay USD là 2,044 tỷ đồng.
- Dư nợ vay dài hạn giảm từ 124.662 triệu đồng xuống 105.162 triệu đồng, tương ứng giảm 15,64%. Trong năm 2025, Công ty đã thanh toán 18,20 tỷ đồng tiền gốc nợ dài hạn đến hạn (riêng khoản vay tại VCB Huế: 121,94 tỷ đồng lãi suất 7,075%/năm đáo hạn 2032, và khoản 2,20 tỷ đồng lãi suất 7,6%-8,2%/năm đáo hạn 2029). Phải trả người bán ngắn hạn tăng 36,59% (từ 31.430 lên 42.934 triệu đồng), phù hợp với việc tăng nhập nguyên vật liệu.

- Về Vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu tăng từ 94.125 triệu đồng lên 103.674 triệu đồng, tương ứng tăng 10,14%. Nguyên nhân do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 đạt 9,548 tỷ đồng (lãi), đưa lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế từ mức âm 6,374 tỷ đồng lên dương 3,174 tỷ đồng. Đây là dấu hiệu rất tích cực, cho thấy Công ty đã bù đắp hoàn toàn khoản lỗ lũy kế từ năm 2023, tạo tiền đề cho việc xem xét chia cổ tức trong tương lai.

2. Các chỉ tiêu phân tích tài chính:

| TT | Chỉ tiêu | 2024 | 2025 | So sánh |
|----------|--|------|-------------|---------|
| A | CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN | | | |
| 1 | Hệ số thanh toán ngắn hạn | 0,96 | 0,97 | 101,41% |
| 2 | Hệ số thanh toán nhanh | 0,27 | 0,32 | 115,60% |

| TT | Chỉ tiêu | 2024 | 2025 | So sánh |
|----------|--|---------|----------------|---------|
| B | CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG | | | |
| 1 | Hiệu suất sử dụng tài sản | 1,31 | 1,28 | 97,91% |
| 2 | Hệ số luân chuyển hàng tồn kho | 2,84 | 2,73 | 96,00% |
| | → Ngày tồn kho bình quân (ngày) | 127 | 132 | 104,17% |
| 3 | Hệ số luân chuyển các khoản phải thu | 19,24 | 18,19 | 94,55% |
| | → Ngày thu tiền bình quân (ngày) | 19 | 20 | 105,76% |
| 4 | Hệ số luân chuyển các khoản phải trả | 18,21 | 18,90 | 103,79% |
| | → Ngày trả tiền bình quân (ngày) | 20 | 19 | 96,35% |
| 5 | Vòng quay Vốn lưu động | 2,25 | 2,05 | 91,19% |
| | → Ngày luân chuyển Vốn lưu động (ngày) | 160 | 175 | 109,66% |
| 6 | Hệ số bảo toàn vốn | 1,10 | 1,10 | 100,47% |
| C | KHẢ NĂNG TỰ CHỦ TÀI CHÍNH | | | |
| 1 | Hệ số tổng nợ phải trả / Tổng tài sản | 0,85 | 0,84 | 99,10% |
| 2 | Hệ số Nợ ngắn hạn / Vốn chủ sở hữu | 4,26 | 4,25 | 99,86% |
| 3 | Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu | 5,58 | 5,27 | 94,34% |
| D | KẾT CẤU TÀI SẢN - NGUỒN VỐN | | | |
| 1 | Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | 0,62 | 0,66 | 106,38% |
| 2 | Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | 0,38 | 0,34 | 89,66% |
| 3 | Nợ ngắn hạn/ Tổng nguồn vốn | 0,65 | 0,68 | 104,89% |
| 4 | Nợ dài hạn/ Tổng nguồn vốn | 0,20 | 0,16 | 80,45% |
| 5 | Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | 0,15 | 0,16 | 105,04% |
| | → Khả năng tài trợ dài hạn | (17,61) | (13,41) | 76,13% |
| E | HỆ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI | | | |
| 1 | Giá vốn/Doanh thu | 91,67% | 91,72% | 100,05% |
| 2 | Chi phí hoạt động tài chính/Doanh thu | 4,2% | 3,35% | 79,92% |
| 3 | Chi phí bán hàng/Doanh thu | 3,1% | 2,81% | 93,24% |
| 4 | Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu | 1,2% | 1,34% | 110,68% |
| 5 | EBIT/ Chi phí lãi vay | 140,05% | 145,17% | 103,66% |
| 6 | Tỷ lệ lãi sau thuế (ROA) | 1,33% | 1,47% | 110,10% |
| 7 | Tỷ lệ lãi ròng (ROE) | 9,19% | 9,65% | 105,05% |

Nhận xét:

- Về chỉ tiêu khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán ngắn hạn đạt 0,97, cải thiện so với năm 2024 (0,96) nhưng vẫn chưa đạt mức an toàn (≥ 1). Hệ số thanh toán nhanh tăng mạnh 15,60% lên 0,32 nhờ tiền mặt tăng đáng kể, tuy nhiên vẫn dưới ngưỡng an toàn (0,5). Nhìn chung khả năng thanh toán của Công ty tiếp tục cải thiện nhưng cần tiếp tục nâng cao.
- Về chỉ tiêu hoạt động:
 - Ngày tồn kho bình quân tăng từ 127 ngày lên 132 ngày (tăng 4,17%), chủ yếu do Công ty tăng tích trữ nguyên vật liệu (NVL tăng 9,95%) khi giá bông ở mức thấp. Mặt tích cực là thành phẩm và hàng gửi bán đều giảm, cho thấy đầu ra tiêu thụ tốt.
 - Ngày thu tiền bình quân tăng nhẹ từ 19 lên 20 ngày do các khoản phải thu khách hàng tăng 28,94% trong khi doanh thu chỉ tăng 2,66%. Khoản phải thu

tập trung tại một số khách hàng lớn, đòi hỏi công tác thu hồi công nợ cần được tăng cường

- Vòng quay vốn lưu động giảm từ 2,25 xuống 2,05 (giảm 8,81%), ngày luân chuyển VLĐ tăng từ 160 lên 175 ngày, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn lưu động giảm do tài sản ngắn hạn tăng nhanh hơn doanh thu. Đây là điểm cần cải thiện trong năm 2026.
 - Hệ số bảo toàn vốn = 1,10, duy trì ổn định so với cùng kỳ, cho thấy Công ty tiếp tục bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu.
- Về khả năng tự chủ tài chính: Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 5,58 xuống 5,27 (giảm 5,66%), tiếp tục xu hướng cải thiện. Tuy nhiên, vẫn ở mức rất cao (>3), phản ánh Công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay. Lưu ý về việc toàn bộ tài sản đã thế chấp tại các ngân hàng, nên dự địa huy động vốn bổ sung từ tài sản thế chấp rất hạn chế.
- Về kết cấu tài sản – nguồn vốn: Khả năng tài trợ dài hạn = -13,41 tỷ đồng, cải thiện đáng kể so với cùng kỳ (-17,61 tỷ đồng, giảm 23,87%), chủ yếu do nợ dài hạn giảm 15,64% (thanh toán 18,20 tỷ đồng nợ gốc đến hạn) và VCSH tăng 10,14% nhờ lợi nhuận dương. Chỉ tiêu này vẫn âm, cho thấy tài sản dài hạn vẫn được tài trợ một phần bằng nợ ngắn hạn.
- Về khả năng sinh lời:
- Chi phí tài chính/doanh thu giảm mạnh từ 4,19% xuống 3,35% (giảm 20,08%), nguyên nhân chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện giảm mạnh 73,7% (từ 5,227 tỷ xuống 1,373 tỷ) và lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện giảm 52,3% (từ 4,152 tỷ xuống 1,979 tỷ) nhờ tỷ giá USD/VND ổn định hơn.
 - Chi phí bán hàng/doanh thu giảm từ 3,01% xuống 2,81%, thể hiện hiệu quả kiểm soát chi phí bán hàng, đặc biệt chi phí bán hàng khác giảm 29,42% (từ 6,17 tỷ xuống 4,36 tỷ).
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu tăng từ 1,21% lên 1,34% (tăng 10,68%), do chi phí QLDN tăng 13,62% trong khi doanh thu chỉ tăng 2,66%, cần lưu ý kiểm soát.
 - Các chỉ số ROA (1,47%) và ROE (9,65%) đều cải thiện so với cùng kỳ, EBIT/Chi phí lãi vay tăng từ 140,05% lên 145,17%, cho thấy hiệu quả sinh lời và khả năng trả lãi vay tiếp tục được cải thiện.

3. Thẩm định báo cáo tài chính:

Kết quả kiểm tra không thay đổi so với Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán KPMG (Báo cáo kiểm toán số 25-04-00139-26-1 ngày 27/3/2026): BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính; bảng cân đối kế toán, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính đã được lập đúng theo mẫu quy định, trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

- Số liệu trên Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, khách quan, đầy đủ tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025.
- Báo cáo tài chính trên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KPMG Việt Nam.

III. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị:

Năm 2025, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã lãnh đạo và điều hành hiệu quả, giúp Công ty tiếp tục duy trì đà phục hồi và đạt kết quả kinh doanh tích cực với lợi nhuận trước thuế 11,093 tỷ đồng, đưa lợi nhuận lũy kế từ âm sang dương. Bám sát chủ trương của Đại hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ), HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp và ban hành 06 Nghị quyết; HĐQT đã đưa ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, tiếp tục cải thiện các chỉ số tài chính, tập trung vào mảng kinh doanh cốt lõi, phê duyệt các dự án đầu tư thiết bị và triển khai hệ thống sợi Compact tại PX2, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong chiến lược sản phẩm. Ban Kiểm soát tin tưởng HĐQT sẽ tiếp tục phát huy vai trò, đưa Công ty phát triển bền vững.

Cụ thể:

- Định hướng chiến lược: Chủ động đề ra chiến lược đa dạng hóa thị trường, giảm phụ thuộc vào xuất khẩu sang Trung Quốc (từ 47% xuống 38%), mở rộng thị trường nội địa (từ 1% lên 8%) và xuất khẩu tại chỗ, đồng thời phát triển sản phẩm mới (sợi compact, sợi cellulose) nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

- Quản trị tài chính: Tăng cường giám sát tài chính, chỉ đạo quản lý chi phí chặt chẽ, tối ưu hóa nguồn vốn, giảm nợ dài hạn 18,20 tỷ đồng, đưa dòng tiền hoạt động kinh doanh từ âm 17,643 tỷ sang dương 11,385 tỷ đồng, và bù đắp hoàn toàn lỗ lũy kế.

- Phát triển nhân lực: Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng của nhân viên, triển khai hệ thống KPI cho các vị trí quản lý. Thu nhập bình quân NLD tăng khoảng 9,2% so với cùng kỳ.

- Minh bạch và tuân thủ: Đảm bảo mọi hoạt động minh bạch, tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức kinh doanh.

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan, tạo tiền đề cho phát triển bền vững. Ban Kiểm soát tin tưởng rằng HĐQT sẽ tiếp tục phát huy vai trò của mình trong việc đưa Công ty phát triển vững mạnh trong những năm tiếp theo.

IV. Kết quả giám sát đối với Ban Điều hành Công ty:

Ban Điều hành đã triển khai hiệu quả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đảm bảo tuân thủ Điều lệ và quy định pháp luật. Trong bối cảnh thị trường sợi toàn cầu biến động mạnh, đặc biệt chịu tác động từ chính sách thuế quan của Mỹ, Ban Điều hành đã linh hoạt, nhạy bén điều hành hoạt động, chủ động đa dạng hóa thị trường, mở rộng nội địa và xuất khẩu tại chỗ, triển khai sản phẩm mới:

- Quản lý sản xuất và chất lượng: Vận hành hiệu quả hai phân xưởng, đạt sản lượng 11.428 tấn sợi (vượt 1% kế hoạch). Đặc biệt, PX2 đã triển khai thành công hệ thống Compact từ tháng 8/2025, ghi nhận đơn hàng Compact đầu tiên giao đến tháng 1/2026. Chi phí nguyên vật liệu trong CPSX giảm 2,46% trong khi sản lượng tăng, cho thấy hiệu quả sử dụng nguyên liệu cải thiện. Chất lượng sản phẩm được duy trì ổn định, đáp ứng yêu cầu các thị trường khắt khe như Hàn Quốc, Nhật Bản.

- Phát triển thị trường và khách hàng: Chủ động tái cân bằng cơ cấu thị trường, giảm phụ thuộc xuất khẩu (từ 93% xuống 86%), tăng thị trường nội địa (từ 1% lên 8%). Tổng số 41 khách hàng xuất khẩu tại 8 quốc gia, trong đó 3 thị trường chủ lực (Trung Quốc, Philippines, Hàn Quốc) chiếm hơn 90% giá trị xuất khẩu.

- Quản lý chi phí và tài chính: Quản lý chi phí hiệu quả, chi phí bán hàng/doanh thu giảm từ 3,01% xuống 2,81%, chi phí tài chính/doanh thu giảm mạnh từ 4,19% xuống 3,35%. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh dương 11,385 tỷ đồng (năm 2024 âm 17,643 tỷ đồng), thể hiện dòng tiền hoạt động cải thiện rõ rệt.

- Phát triển nguồn nhân lực: Triển khai hệ thống KPI cho các vị trí quản lý, nâng cao thu nhập bình quân NLD lên khoảng 12,79 triệu đồng/tháng (tăng ~9,2% so với cùng kỳ). Xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp, tạo môi trường làm việc tốt.

Nhờ những nỗ lực này, Công ty đã đạt kết quả tích cực với lợi nhuận trước thuế 11,093 tỷ đồng, bù đắp hoàn toàn lỗ lũy kế, củng cố niềm tin của cổ đông. Ban Điều hành đã hoàn thành tốt vai trò, thể hiện tầm nhìn chiến lược và năng lực lãnh đạo.

V. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

1. Các công việc đã thực hiện trong năm 2025:

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi, hội ý để nắm bắt tình hình, công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Điều hành nhằm tăng cường giám sát, bảo đảm quyền lợi cho các cổ đông.
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với HĐQT và Ban điều hành trong quá trình quản lý, điều hành Công ty:
 - o Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động SXKD thường xuyên và định kỳ.
 - o Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban điều hành tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.
- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận đơn thư khiếu nại nào có liên quan đến HĐQT, Ban điều hành.

2. Định hướng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2026:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát xây dựng định hướng nhiệm vụ của mình trong năm 2026:

- Thâm tra báo cáo tài chính bán niên và năm được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục kiểm tra, đôn đốc, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Các công việc khác khi phát sinh.

VI. Kiến nghị của Ban kiểm soát đối với năm 2026:

1. Về công tác đầu tư

- HĐQT và Ban Điều hành tiếp tục đánh giá và triển khai kế hoạch đầu tư thay thế vật tư, phụ tùng theo chu kỳ cho PX1 và đầu tư cải tiến hiệu suất lao động cho 2 PX theo kế hoạch đầu tư năm 2026 (tổng mức đầu tư dự kiến 11,38 tỷ đồng, bao gồm: cọc sợi con Toyota 3,84 tỷ, nôi máy con 1,40 tỷ, máy vệ sinh trục nhưng tự động 2,73

tỷ, hệ thống Pinter 3,41 tỷ), đảm bảo phù hợp với hoạt động SXKD, nâng cao năng suất chất lượng, đặc biệt với dòng sản phẩm compact và sợi cellulose mới.

2. Về công tác Tài chính kế toán:

Năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì đà phục hồi với lợi nhuận trước thuế 11,093 tỷ đồng, bù đắp hoàn toàn lỗ lũy kế. Để tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và đảm bảo sự phát triển bền vững trong tương lai, Ban Kiểm soát kiến nghị HĐQT và Ban Điều hành:

- Tăng cường quản lý các khoản phải thu ngắn hạn (tăng 27,60% trong năm 2025, phải thu khách hàng tăng 28,94%), đặc biệt đối với các khách hàng có dư nợ lớn, để cải thiện vòng quay vốn lưu động (hiện giảm từ 2,25 xuống 2,05) và rút ngắn ngày luân chuyển VLĐ (từ 160 lên 175 ngày).
- Kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp (tăng 13,62%, cao hơn mức tăng doanh thu 2,66%), đặc biệt chi phí nhân viên quản lý tăng 29,12% và chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 17,10%. Cần có giải pháp tối ưu chi phí quản lý trong bối cảnh lương tối thiểu vùng tăng 7,25% từ 01/01/2026.
- Đa dạng hóa nguồn vay, giảm mức tập trung vay tại Vietcombank Huế (hiện chiếm gần 50% tổng vay ngắn hạn) để giảm thiểu rủi ro tập trung tín dụng. Tiếp tục giảm hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (hiện 5,27, vẫn ở mức cao >3) thông qua tích lũy lợi nhuận và trả nợ dài hạn đến hạn.
- Chủ động ứng phó với rủi ro tỷ giá USD/VND (năm 2025 nhờ tỷ giá ổn định nên lỗ tỷ giá giảm mạnh, nhưng năm 2026 dự báo có nhiều biến động hơn). Xem xét sử dụng hợp đồng kỳ hạn 3-6 tháng để phòng ngừa rủi ro khi cần thiết, cân đối tỷ trọng vay USD/VND phù hợp.
- Phân đầu đưa khả năng thanh toán ngắn hạn về mức an toàn (≥ 1), cải thiện khả năng tài trợ dài hạn (hiện -13,41 tỷ đồng) về mức dương thông qua tích lũy lợi nhuận và cơ cấu lại nợ.
- Tiếp tục đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, mở rộng thị trường nội địa và xuất khẩu tại chỗ, đặc biệt tận dụng dòng vốn FDI dịch chuyển vào Việt Nam. Đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm compact và sợi cellulose (mục tiêu ít nhất 25% sản lượng trong năm 2026) để nâng cao biên lợi nhuận.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025 của Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Huỳnh Anh Thuận